

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2023/HS-ST
Ngày 01-12-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Thiện Bửu;
2. Ông Bùi Minh Châu.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Kim Lài - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Long Hồ - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 58/2023/TLST-HS, ngày 09 tháng 11 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2023/QĐXXST-HS, ngày 17 tháng 11 năm 2023, đối với bị cáo:

Lê Q (tên gọi khác: Q), sinh ngày 12/02/1999 tại Đồng Tháp; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khóm W, phường E, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Lê T, sinh năm 1970 và bà Võ Thị Y, sinh năm 1974; vợ, con: Chưa có; bị cáo là con duy nhất trong gia đình; tiền sự: Ngày 26/9/2023, bị Ủy ban nhân dân phường E, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp xử phạt hành chính, phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản” (Quyết định số: 78/QĐ-XPHC), chưa thực hiện việc nộp phạt; tiền án: Chưa có; nhân thân: Ngày 01/6/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã R (nay là Tòa án nhân dân thành phố R), tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 12 tháng, chấp hành xong quyết định vào ngày 21/12/2018; Ngày 27/9/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã R (nay là Tòa án nhân dân thành phố R), tỉnh Đồng Tháp ra Quyết định Áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 18 tháng, chấp hành xong quyết

định vào ngày 28/10/2020; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Bị hại*: Nguyễn A, sinh năm 1980 (có đơn xét xử vắng mặt);

Nơi cư trú: Khóm W, phường E, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Phan S, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm W, phường E, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người làm chứng*: Huỳnh D, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khóm W, phường E, thành phố R, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Q có 01 (một) tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản, bị Ủy ban nhân dân phường E, thành phố R xử phạt hành chính, phạt tiền 2.500.000 đồng nhưng chưa nộp phạt, còn trong thời gian chưa được xem là chưa bị xử phạt hành chính. Do muốn nhanh chóng có tiền tiêu xài nên Q tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 04/11/2023, Lê Q đi bộ đến nhà anh Nguyễn A, sinh năm 1977, ngụ khóm W, phường Lộc, thành phố R, cách nhà Q khoảng 30 mét. Khi đến nhà anh A, Q nằm võng dưới sàn nhà, quan sát thấy 01 (một) máy khoan điện màu đen có gắn 01 (một) mũi khoan bằng kim loại nên Q lén lút lấy trộm. Sau khi lấy trộm Q bán cho bà Phan S, sinh năm 1960, ngụ khóm W, phường Lộc, thành phố R với giá 200.000 đồng rồi đem số tiền này cho Nguyễn Thị Tuyết Nhi, ngụ phường An Thạnh, thành phố R.

Khi phát hiện tài sản bị mất nên anh Nguyễn A đến Công an phường E, thành phố R trình báo vụ việc. Đến ngày 05/10/2023, Công an phường E mời Lê Q về cơ quan làm việc và Q đã thành khẩn khai nhận hành vi lấy trộm 01 (một) máy khoan có gắn 01 (một) mũi khoan của anh Nguyễn A.

Vật chứng vụ án, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (một) máy khoan điện màu đen, hiệu JV-TECH, loại VT10131, công suất 550W, đã qua sử dụng; 01 (một) mũi khoan bằng kim loại dài 29,5cm, đường kính 08mm, đã qua sử dụng. Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý: Trả lại cho bị hại Nguyễn A 01 (một) máy khoan điện màu đen, hiệu JV-TECH, loại

VT10131, công suất 550W, đã qua sử dụng và 01 (một) mũi khoan bằng kim loại dài 29,5cm, đường kính 08mm, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 36/KL-HĐĐG ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố R, kết luận: Giá trị 01 (một) máy khoan điện màu đen, hiệu JV-TECH, loại VT10131, công suất 550W, đã qua sử dụng là 300.000 đồng; Giá trị 01 (một) mũi khoan bằng kim loại dài 29,5cm, đường kính 08mm, đã qua sử dụng là 10.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan S không yêu cầu bồi thường.

Trong quá trình điều tra, Lê Q đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện.

Tại bản cáo trạng số: 65/CT-VKSTPHN, ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R, tỉnh Đồng Tháp truy tố bị cáo Lê Q về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R thực hành quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo Lê Q đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Q về tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Đối với việc bà Phan S mua tài sản do Lê Q trộm cắp mà có. Qua điều tra, bà Hòa không hứa hẹn trước, không biết tài sản này do Q trộm cắp mà có nên không có căn cứ xem xét xử lý bà Hòa với vai trò đồng phạm tội với Q về tội “Trộm cắp tài sản” và không xử lý về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Đối với việc Lê Q trình bày, sau khi bán tài sản trộm cắp được với số tiền 200.000 đồng, Q được đưa cho Nguyễn Thị Tuyết Nhi giữ. Do chỉ biết họ tên, địa chỉ chưa cụ thể nên chưa làm việc được, khi nào làm rõ có căn cứ sẽ xử lý sau nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bị hại Nguyễn A 01 (một) máy khoan

điện màu đen, hiệu JV-TECH, loại VT10131, công suất 550W, đã qua sử dụng và 01 (một) mũi khoan bằng kim loại dài 29,5cm, đường kính 08mm, đã qua sử dụng. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý.

Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên: Buộc bị cáo Lê Q pQ nộp lại số tiền 200.000 đồng để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan S không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đã thực hiện như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát, lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo thống nhất với nội dung luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Lê Q đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bản thân bị cáo đang có 01 tiền sự, bị Ủy ban nhân dân phường E, thành phố R xử phạt hành chính, phạt tiền 2.500.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản, chưa nộp phạt, còn trong thời hạn chưa được xem là chưa bị xử phạt hành chính. Do không có nghề nghiệp ổn định, nhưng lại muốn nhanh có tiền để tiêu xài cá nhân mà bị cáo đã đi vào con đường phạm tội. Cụ thể, khoảng Khoảng 13 giờ 00 phút, ngày 04/11/2023, Lê Q đã lén lút lấy trộm của anh Nguyễn A 01 (một) máy khoan điện màu đen, hiệu JV-TECH, loại VT10131, công suất 550W, đã qua sử dụng; 01 (một) mũi khoan

bằng kim loại dài 29,5cm, đường kính 08mm, đã qua sử dụng nhằm mục đích đem bán để lấy tiền tiêu xài cá nhân thì bị bắt giữ.

Căn cứ bản kết luận định giá tài sản số: 36/KL-HĐĐG ngày 09 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố R, kết luận: Giá trị 01 (một) máy khoan điện màu đen, hiệu JV-TECH, loại VT10131, công suất 550W, đã qua sử dụng là 300.000 đồng; Giá trị 01 (một) mũi khoan bằng kim loại dài 29,5cm, đường kính 08mm, đã qua sử dụng là 10.000 đồng. Tổng giá trị tài sản Q chiếm đoạt của anh A là 310.000 đồng.

Căn cứ vào lời thừa nhận của bị cáo; lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy đã có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Lê Q đã phạm tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm”.

Tội phạm mà bị cáo gây ra đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác, mặt khác còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương. Hiện nay tình hình trộm cắp trên cả nước nói chung và trên địa bàn thành phố R nói riêng xảy ra ngày càng nhiều với thủ đoạn hết sức tinh vi. Nhằm để ổn định trật tự trị an ở địa phương, góp phần vào công cuộc phòng, chống và ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử xét thấy pQ xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật.

[3] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, đã 02 lần bị Tòa án ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị xử phạt hành chính (phạt tiền) về hành vi “Trộm cắp tài sản” (chưa nộp phạt) . Đáng ra, qua các lần bị xử lý như trên, bị cáo pQ biết suy ngẫm lại hành vi sai trái của mình, ăn năn hối cải, ra sức lao động để tìm cho mình một việc làm hợp pháp để có thu nhập chính đáng từ công sức lao động của mình, nhưng bị cáo không làm được điều đó mà ngược lại do không chí thú làm ăn nhưng lại

muốn nhanh có tiền tiêu xài, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự thiếu ý thức trong tu dưỡng rèn luyện nhân cách, thể hiện bản chất xem thường pháp luật.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội đã thực hiện, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, pQ xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống cộng đồng một thời gian nhất định, để có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục cho bị cáo thấy được lỗi lầm của mình, phấn đấu trở thành con người tốt có ích cho gia đình và xã hội. Có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung cho những ai có ý định phạm tội như bị cáo.

[6] Đối với việc bà Phan S mua tài sản do Lê Q trộm cắp mà có. Qua điều tra bà Hòa không hứa hẹn trước, không biết tài sản này do Q trộm cắp mà có nên không có căn cứ xem xét xử lý bà Hòa với vai trò đồng phạm tội với Q về tội “Trộm cắp tài sản” và không xử lý về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[7] Đối với việc Lê Q trình bày, sau khi bán tài sản trộm cắp được với số tiền 200.000 đồng, Q được đưa cho Nguyễn Thị Tuyết Nhi giữ. Do chỉ biết họ tên, địa chỉ chưa cụ thể nên chưa làm việc được, khi nào làm rõ có căn cứ sẽ xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

[8] Về vật chứng vụ án:

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại cho bị hại Nguyễn A 01 (một) máy khoan điện màu đen, hiệu JV-TECH, loại VT10131, công suất 550W, đã qua sử dụng và 01 (một) mũi khoan bằng kim loại dài 29,5cm, đường kính 08mm, đã qua sử dụng. Xét thấy, việc xử lý vật chứng của Cơ quan điều tra phù hợp với quy định tại Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với số tiền 200.000 đồng bị cáo có được từ việc bán tài sản trộm cho bà Phan S, mặc dù bà Hòa không yêu cầu bị cáo bồi thường nhưng xét thấy số tiền trên là thu lợi bất chính nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự buộc bị cáo nộp lại để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước là phù hợp pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Trong giai đoạn điều tra, bị hại Nguyễn A đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu bồi thường gì thêm; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phan S không yêu cầu bị cáo bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[10] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc bị cáo pQ chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lê Q (tên gọi khác: Q) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Lê Q 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị chấp hành hình phạt tù.

2. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

Buộc bị cáo Lê Q pQ nộp lại số tiền 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Q pQ chịu 200.000đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 01/12/2023). Riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pQ thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND TP. R;
- Nhà tạm giữ Công an TP. R;
- Cơ quan điều tra Công an TP. R;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thống